

**GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM TÀU CÁ TẠI TÒA ÁN:  
THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP**

**NGUYỄN VĂN DŨNG\***

*Ngày nhận bài: 10/07/2023*

*Ngày phản biện: 17/08/2023*

*Ngày đăng bài: 30/09/2023*

***Tóm tắt:***

Từ khi có Nghị định 67/2014/CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 “về một số chính sách phát triển thủy sản”, ngư dân có điều kiện vay tiền mua, đóng tàu lớn để đánh bắt xa bờ, đồng thời ký kết hợp đồng bảo hiểm tàu cá với các doanh nghiệp bảo hiểm. Bên cạnh mặt tích cực, đã phát sinh nhiều tranh chấp về hợp đồng bảo hiểm tàu cá. Nhìn chung, kết quả xét xử của các Tòa án đã kịp thời bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ngư dân và các bên liên quan, nhưng còn nhiều vụ án bị kéo dài thời gian giải quyết hoặc bị xét xử nhiều lần, gây trở ngại cho ngư dân, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của các bên tham gia hợp đồng bảo hiểm do phát sinh nhiều vướng mắc trong việc áp dụng pháp luật. Từ thực tiễn làm công tác xét xử, tác giả nêu một số vướng mắc phát sinh trong giải quyết các vụ án tranh chấp hợp đồng bảo hiểm tàu cá theo Nghị định 67/2014/NĐ - CP và kiến nghị hướng tháo gỡ vướng mắc nhằm mục đích góp phần hoàn thiện quy định của pháp luật liên quan,

***Abstract:***

Since the introduction of Decree 67/2014/CP on July 7, 2014, regarding fisheries development policies, fishermen have been afforded the opportunity to borrow money for the purchase and construction of large offshore fishing vessels. Concurrently, they can enter into fishing vessel insurance contracts with insurance enterprises. While there are positive aspects to this decree, it has also given rise to numerous disputes over fishing vessel insurance contracts. Although the Courts' verdicts have largely upheld the legitimate rights and interests of fishermen and other concerned parties, many cases have faced delays or multiple trials. This has posed challenges for fishermen, directly impacting the interests of all parties involved in the insurance contract due to various legal complexities. Drawing from adjudication experiences, this article highlights issues encountered in resolving fishing vessel insurance contract disputes

---

\* Chánh tòa – Tòa Dân sự Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam; Email: dungtoaan1979@gmail.com

• Ghi chú: Tài bài viết toàn văn tại địa chỉ: <http://tapchi.hul.edu.vn>.

giúp người dân, doanh nghiệp yên tâm đầu tư cho hoạt động khai thác thủy sản, tăng cường bảo vệ chủ quyền biển đảo quốc gia.

under Decree 67/2014/ND-CP. It also suggests measures to address these challenges with the aim of refining relevant laws. Such enhancements would provide assurance to individuals and businesses investing in fishing activities, bolstering the protection of national sovereignty over sea and islands.

***Từ khóa:***

Tranh chấp, hợp đồng bảo hiểm tàu cá, giải quyết tại Tòa án

***Keywords:***

Disputes, fishing vessel insurance contracts, resolved in court

**1. Đặt vấn đề**

Trong những năm qua, thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển kinh tế biển và bảo vệ chủ quyền biển đảo quốc gia, nhất là từ khi có Nghị định 67/2014/CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 “*về một số chính sách phát triển thủy sản*”, ngư dân có điều kiện vay tiền mua, đóng tàu lớn để đánh bắt xa bờ, vừa mang lại lợi ích kinh tế cao, vừa góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo. Các doanh nghiệp bảo hiểm cũng đã đồng hành cùng ngư dân thực hiện chính sách này. Bên cạnh mặt tích cực, đã phát sinh nhiều tranh chấp liên quan đến vấn đề này, trong đó có tranh chấp về hợp đồng bảo hiểm tàu cá đã được Tòa án thụ lý, giải quyết, tập trung vào 28 tỉnh, thành có biển và đang triển khai thực hiện Nghị định 67/2014/NĐ - CP. Nhìn chung, kết quả giải quyết, xét xử của các Tòa án đã kịp thời bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ngư dân và các bên liên quan, phát huy được hiệu quả của chính sách phát triển thủy sản. Tuy nhiên, còn nhiều vụ án bị kéo dài thời gian giải quyết hoặc bị xét xử nhiều lần, gây trở ngại cho ngư dân, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của các bên tham gia hợp đồng bảo hiểm do phát sinh nhiều vướng mắc trong việc áp dụng pháp luật. Trong phạm vi bài viết này, từ thực tiễn làm công tác xét xử, tác giả nêu một số vướng mắc phát sinh trong giải quyết các vụ án tranh chấp hợp đồng bảo hiểm tàu cá theo Nghị định 67/2014/NĐ - CP và kiến nghị hướng tháo gỡ vướng mắc để góp phần hoàn thiện quy định của pháp luật liên quan, giúp người dân, doanh nghiệp yên tâm đầu tư cho hoạt động khai thác thủy sản, tăng cường bảo vệ chủ quyền biển đảo quốc gia.

## 2. Khái quát tranh chấp hợp đồng bảo hiểm tàu cá phát sinh tại Tòa án

Hợp đồng bảo hiểm tàu cá là một dạng của hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ, thuộc diện bảo hiểm tài sản và là hợp đồng theo mẫu. Nội dung, hình thức, hiệu lực của hợp đồng, quyền, nghĩa vụ của các bên phát sinh trong quá trình thực hiện, thanh lý hợp đồng được thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Hàng hải và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn.... Trong đó, Luật Kinh doanh bảo hiểm có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 được kỳ vọng là sẽ tạo được hành lang pháp lý thông thoáng để loại giao dịch này hình thành, phát triển, tác động tích cực đến đời sống xã hội. Theo quy định tại khoản 16 Điều 4, Điều 43 của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 thì: *Hợp đồng bảo hiểm là sự thỏa thuận giữa bên mua bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô, theo đó bên mua bảo hiểm phải đóng phí bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô phải bồi thường, trả tiền bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng; đối tượng bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm tài sản là tài sản theo quy định của Bộ luật Dân sự.*

Thực hiện Điều 5 của Nghị định 67/2014/NĐ – CP ngày 07 tháng 7 năm 2014, Thông tư số 115/2014/TT – BTC ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách bảo hiểm quy định tại Nghị định 67/2014/NĐ – CP, hàng năm, ngư dân hoạt động thủy sản được Nhà nước hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm thân tàu, trang thiết bị, ngư lưới cụ trên mỗi tàu (*bảo hiểm mọi rủi ro*). Tuy pháp luật không quy định bắt buộc ngư dân phải mua bảo hiểm tàu cá nhưng do việc mua, đóng tàu cá của ngư dân gắn liền với chính sách tín dụng của Nhà nước hỗ trợ vay vốn (*Điều 4 Nghị định 67/2014/NĐ – CP ngày 07 tháng 7 năm 2014*), nên 100% chủ tàu cá đều mua hợp đồng bảo hiểm tài sản theo sự thỏa thuận ký kết của 03 bên: chủ tàu cá, công ty bán bảo hiểm và phía ngân hàng cho vay.

Khi giao kết hợp đồng bảo hiểm tàu cá, vì đây là dạng hợp đồng mẫu nên phần lớn các hợp đồng đều có điều khoản về thỏa thuận chọn Tòa án giải quyết tranh chấp theo hướng thuận lợi cho bên bán bảo hiểm. Trong thời gian qua, số lượng các vụ án tranh chấp loại này ở các Tòa án cấp huyện tăng, nhất là ở những địa phương giáp biển hoặc các Tòa án nơi có trụ sở của các chi nhánh, công ty bán bảo hiểm. Việc thụ lý, giải quyết các vụ tranh chấp hợp đồng bảo hiểm tàu cá theo vụ án dân sự, tuân thủ các quy định về điều kiện,

trình tự, thủ tục thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án dân sự được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về cơ bản, cơ sở pháp lý để xem xét tính hợp pháp của hợp đồng bảo hiểm tàu cá đã được Bộ luật Dân sự, Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Hàng hải, Nghị định 67/2014/NĐ – CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ, Thông tư số 115/2014/TT – BTC ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định khá đầy đủ; việc thụ lý, giải quyết, xét xử các vụ án này đã được thực hiện nề nếp theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và các văn bản hướng dẫn khác của Tòa án nhân dân tối cao. Tuy nhiên, gần đây, hoạt động kinh doanh bảo hiểm nói chung, bảo hiểm tài sản nói riêng đang phát triển mạnh, rộng, đa dạng, nhiều yếu tố mới phát sinh từ các hoạt động thương mại phi truyền thống; quá trình ký kết, thực hiện giao dịch bảo hiểm tàu cá liên quan đến quyền, nghĩa vụ của nhiều chủ thể, trong đó có cả sự tham gia của cơ quan quản lý nhà nước; mức độ rủi ro trong hoạt động đánh bắt cá xa bờ, nhất là tại các ngư trường giáp vùng biển quốc tế rất cao, các quốc gia có biển tăng cường công tác quản lý lãnh hải và vùng đặt quyền kinh tế...các yếu tố này là nguyên nhân chính làm phát sinh nhiều bất cập, vướng mắc trong quá trình thụ lý, giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng bảo hiểm tàu cá tại Tòa án.

### **3. Một số vướng mắc trong thực tiễn giải quyết tranh chấp về hợp đồng bảo hiểm tàu cá tại Tòa án**

#### **3.1. Vướng mắc về áp dụng pháp luật tố tụng giải quyết tranh chấp về hợp đồng bảo hiểm tàu cá tại Tòa án**

*Thứ nhất*, về thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án. Như đã phân tích ở trên, thời gian qua dịch vụ kinh doanh bảo hiểm phát triển nhanh, nhiều tổ chức tham gia vào hoạt động kinh doanh, cạnh tranh phát triển, mở rộng địa bàn theo hình thức thành lập chi nhánh, nhiều công ty bảo hiểm có trụ sở ở tỉnh này nhưng mở chi nhánh ở tỉnh khác. Tuy nhiên, do rủi ro trong lĩnh vực bảo hiểm tàu cá cao nên không phải đơn vị nào cũng kinh doanh thuận lợi, điều này dẫn tới có nhiều trường hợp Chi nhánh không còn hoạt động trong quá trình thực hiện hợp đồng, gây trở ngại, khó khăn khi phát sinh tranh chấp giữa các bên tham gia hợp đồng bảo hiểm. *Dưới đây là một trường hợp cụ thể:*

Công ty Cổ phần Bảo hiểm B có trụ sở tại tỉnh Q, mở chi nhánh tại huyện N, tỉnh Đ. Chi nhánh này hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 01 tháng 01 năm 2020 thì ngừng, mọi vấn đề phát sinh do Công ty Cổ phần Bảo hiểm B giải quyết. Ngày 01

tháng 5 năm 2016, chủ tàu cá A ký hợp đồng bảo hiểm thân tàu, ngư lưới cụ, máy móc trên tàu với Chi nhánh của Công ty Cổ phần Bảo hiểm B và hai bên giao dịch liên tục hàng năm. Trong hợp đồng bảo hiểm ký kết gần nhất ngày 01 tháng 5 năm 2019, hai bên thỏa thuận Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nơi có trụ sở Chi nhánh của Công ty Cổ phần Bảo hiểm B. Sau khi xảy ra tranh chấp, ông A khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ. Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ cho rằng Chi nhánh của Công ty Cổ phần Bảo hiểm B không còn hoạt động, không còn trụ sở trên thực tế nên đã chuyển đơn khởi kiện cho Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh Q giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh Q thì cho rằng các bên đã thỏa thuận Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án tự nguyện và đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên đã chuyển đơn lại cho Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ. Vụ việc dẫn đến tranh chấp về mặt thẩm quyền, gây phiền hà cho người dân.<sup>1</sup>

Điểm b khoản 1 Điều 39 và điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 cho phép các đương sự thỏa thuận và cho phép nguyên đơn có quyền lựa chọn Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Phạm vi quy định của điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 chỉ điều chỉnh, cho phép nguyên đơn lựa chọn Tòa án nơi tổ chức có chi nhánh giải quyết nhưng lại không quy định rõ hướng xử lý vấn đề khi chi nhánh đó không còn hoạt động, không còn trụ sở nữa. Trong khi đó, điều lo ngại nhất của ngư dân là thủ tục giấy tờ khởi kiện rườm rà và nhất là phải đi lại xa để khởi kiện, do vậy họ không muốn lựa chọn Tòa án nơi có trụ sở của Công ty Cổ phần Bảo hiểm B. Mặt khác, việc thu thập chứng cứ chứng minh liên quan đến sự kiện pháp lý, xác định nguyên nhân gây ra thiệt hại, xác định giá trị thiệt hại trong vụ án tranh chấp hợp đồng bảo hiểm tàu cá rất phức tạp, đương sự trong vụ án là ngư dân nên thời gian gặp họ, tổng đạt văn bản tố tụng, tiến hành các hoạt động thu thập chứng cứ thường bị động, nên các Tòa án gặp rất nhiều trở ngại khi thụ lý, giải quyết các vụ án loại này, đây là nguyên nhân chính dẫn đến các Tòa án căn cứ pháp luật để chuyển thẩm quyền giải quyết vụ án.

**Thứ hai**, về người tham gia tố tụng trong vụ án. Hợp đồng bảo hiểm tàu cá thông thường kèm theo văn bản thỏa thuận 3 bên giữa bên bán bảo hiểm, bên mua bảo hiểm và ngân hàng cho vay tiền. Trong đó, quyền của phía ngân hàng là thụ hưởng giá trị bồi thường phát sinh trong hợp đồng bảo hiểm. Tuy nhiên, hợp đồng vay tài sản giữa phía

---

<sup>1</sup> Báo cáo chất lượng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam năm 2021, tr 6.

ngân hàng và người vay được thực hiện thanh toán trả nợ liên tục, nhiều trường hợp tranh chấp phát sinh trong thời điểm hợp đồng vay chưa thanh lý nhưng cũng có nhiều trường hợp tranh chấp phát sinh sau khi phía ngân hàng và người mua bảo hiểm đã thanh toán tiền vay xong. *Dưới đây là một trường hợp cụ thể:*

Ngày 01 tháng 07 năm 2018, ông A ký hợp đồng bảo hiểm tàu cá với Công ty bảo hiểm B. Ngày 09 tháng 8 năm 2018, ông A, đại diện Công ty bảo hiểm B và đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện T, tỉnh Q ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản, thỏa thuận 03 bên về cam kết chuyển quyền thụ hưởng bảo hiểm. Theo các hợp đồng này thì bên mua bảo hiểm, vay và thế chấp tài sản là ông A, bên nhận thế chấp là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi nhánh huyện T, tỉnh Q, bên bán bảo hiểm là Công ty Bảo hiểm B thỏa thuận việc ông A thế chấp tài sản là tàu cá Qna 94XYZ – TS để vay 02 tỷ đồng, thời hạn thực hiện hợp đồng vay là 02 năm, kể từ ngày 09 tháng 8 năm 2018. Ngày 10 tháng 7 năm 2019, ông A đã trả hết nợ vay theo hợp đồng trên, và đã lập thủ tục thanh lý hợp đồng vay, nhưng giữa ông A, ngân hàng và Công ty bảo hiểm B không ký văn bản về chấm dứt thực hiện thỏa thuận 03 bên đã lập ngày 09 tháng 8 năm 2018.

Tháng 8 năm 2019, tàu cá Qna 94XYZ cháy, hư hỏng toàn bộ, ông A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty bảo hiểm B trả tiền bảo hiểm theo hợp đồng đã ký kết năm 2018 do Công ty bảo hiểm B từ chối bồi thường. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án từ tháng 11 năm 2019. Tại thời điểm giải quyết vụ kiện, ông A đã thanh toán xong tiền vay của Ngân hàng B để mua tàu cá theo Nghị định 67/2014/NĐ – CP và nộp hồ sơ thanh lý hợp đồng vay cho Tòa án. Khi nộp hồ sơ bán bảo hiểm, phía Công ty bảo hiểm xuất trình hợp đồng thỏa thuận 3 bên đã ký kết giữa ngân hàng, người vay (*người mua bảo hiểm*) và công ty bán bảo hiểm vào ngày 09 tháng 8 năm 2018 và khẳng định hợp đồng này trên thực tế chưa được thanh lý, chưa có thỏa thuận chấm dứt. Trong tình huống này, thực tiễn xét xử cho thấy: Tòa án cấp sơ thẩm tỉnh Q không xác định phía ngân hàng tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tại cấp phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Q cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không xác định phía ngân hàng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và chưa thu thập chứng cứ, quan điểm của phía ngân hàng về quyền lợi thụ hưởng giá trị bồi thường bảo hiểm nên đã hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.<sup>2</sup>

---

<sup>2</sup> Báo cáo chất lượng xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam năm 2022, tr17; Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS - ST ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ,

Chúng tôi cho rằng, hợp đồng vay tiền giữa ngân hàng và người mua bảo hiểm đã được thanh lý, phía người mua bảo hiểm không còn phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay cho phía ngân hàng, điều này dẫn đến phía ngân hàng đương nhiên chấm dứt quyền thụ hưởng tiền bồi thường thiệt hại phát sinh từ hợp đồng bảo hiểm. Nhưng, về mặt chứng từ pháp lý thì thỏa thuận 3 bên đã ký kết vẫn còn hiệu lực, về lý thuyết thì phía ngân hàng có quyền khởi kiện liên quan đến thỏa thuận này để giải quyết quyền lợi của người thụ hưởng tiền bồi thường thiệt hại trong hợp đồng bảo hiểm. Do vậy, việc xác định phía ngân hàng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là có căn cứ pháp luật, nhưng sau khi giải quyết, xét xử sơ thẩm lại thì về đường lối xét xử lại không bị ảnh hưởng hay thay đổi gì, trong khi đó thời gian giải quyết vụ án bị kéo dài, tốn chi phí không cần thiết.

### **3.2. *Vướng mắc về áp dụng pháp luật nội dung***

*Thứ nhất, vướng mắc phát sinh liên quan đến nội dung, hình thức của hợp đồng*

Điều 18 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 (*Điều 14 Luật Kinh doanh Bảo hiểm năm 2000, sửa đổi, bổ sung năm 2010*) quy định về hình thức của hợp đồng bảo hiểm: “*Hợp đồng bảo hiểm phải được lập thành văn bản. Bằng chứng giao kết hợp đồng bảo hiểm là hợp đồng, giấy chứng nhận bảo hiểm, đơn bảo hiểm hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật*”. Điều 17 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 quy định những nội dung chủ yếu của hợp đồng bảo hiểm; không có điều luật nào quy định bắt buộc về những nội dung chủ yếu thể hiện trong giấy chứng nhận bảo hiểm, đơn bảo hiểm hoặc hình thức khác. Mặt khác, ngoài nội dung về phí bảo hiểm, thời hạn bảo hiểm, thì nội dung quan trọng nhất mà người mua bảo hiểm cần biết rõ là những điều khoản loại trừ bảo hiểm theo quy định tại Điều 19 của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022, tuy nhiên các điều khoản này không phải là các điều khoản chủ yếu phải có trong hợp đồng bảo hiểm. Thực tế giải quyết các vụ án liên quan đến bảo hiểm tài cá cho thấy giữa các bên không ký kết hợp đồng bảo hiểm mà bên bán bảo hiểm cho rằng giấy chứng nhận bảo hiểm là hình thức của hợp đồng bảo hiểm và bên mua bảo hiểm chỉ nhận được giấy chứng nhận bảo hiểm sau khi thanh toán tiền mua bảo hiểm. Trong khi đó, các nội dung liên quan đến điều kiện miễn trừ trách nhiệm bảo hiểm không được thể hiện cụ thể trên giấy chứng nhận bảo hiểm mà thông thường thì bên bán bảo hiểm thể hiện nội dung này trong Quy tắc bảo hiểm đã được ban hành và được phê duyệt bởi Bộ Tài chính. Về phía bên mua bảo hiểm, là ngư dân, trình độ học vấn không cao, thiếu kỹ năng về tìm hiểu, nắm bắt các quy định của pháp luật liên quan, không quan tâm nhiều đến các giấy tờ, câu chữ trong hợp đồng. Về phía bên bán bảo

hiểm thì do việc triển khai hợp đồng bảo hiểm tàu cá theo Nghị định 67/2014/NĐ – CP nên phương pháp giải thích, hướng dẫn cho người mua bảo hiểm được công ty thực hiện tập trung tại địa phương theo hình thức “*tập huấn*”, với sự tham gia của chính quyền địa phương, nhiều trường hợp công ty bán bảo hiểm khoán trắng cho cán bộ cấp xã, thôn tổ chức họp dân, giải thích không rõ ràng về quyền, nghĩa vụ của người mua bảo hiểm trước khi giao kết hợp đồng. Khi giao kết hợp đồng bảo hiểm, phía công ty bảo hiểm soạn sẵn các văn bản cam kết để người mua bảo hiểm ký vào, trong đó có cam kết hiểu rõ, đã đọc Quy tắc bảo hiểm của bên bán; phía người mua bảo hiểm cho rằng đã ký rất nhiều giấy tờ và không quan tâm nội dung trong các giấy tờ đó như thế nào. Điều này dẫn đến tranh chấp phát sinh và bên mua bảo hiểm đã khởi kiện tại Tòa án. *Dưới đây là một trường hợp cụ thể:*

Ông S là chủ sở hữu hợp pháp tàu cá có số đăng ký QNa – 94XYX– TS. Từ khi sắm tàu, ông S đã hai lần mua bảo hiểm của Công ty BVQ, một lần năm 2017 (*giá trị tài sản bảo hiểm là 2,8 tỷ đồng*) và 01 lần năm 2018, (*giá trị tài sản bảo hiểm là 1,9 tỷ đồng*). Trong các lần mua bảo hiểm, ông S không được bên bán bảo hiểm hướng dẫn quyền và nghĩa vụ của mình và cũng không được đọc rõ các điều kiện liên quan; ông S khẳng định trong lần mua bán bảo hiểm năm 2018, vợ ông đưa đủ tiền thì có ký vào một số hồ sơ và nhận giấy chứng nhận bảo hiểm chứ ông Sứ không biết, không nhận giấy tờ gì ngoài giấy chứng nhận bảo hiểm do vợ giao lại. Sau khi mua bảo hiểm năm 2018 thì xảy ra sự việc tàu cá trên bị cháy, cơ quan có thẩm quyền kết luận là tàu cháy do chập điện. Ông S cho rằng ông có thuê ông M trông giữ tàu thường xuyên và việc cháy tàu là ngoài ý muốn, không có lỗi gì từ phía chủ tàu. Hiện nay Công ty BVQ không chịu thanh toán tiền bảo hiểm theo giấy chứng nhận nên ông khởi kiện.

Phía bị đơn cho rằng bên bán bảo hiểm đã phổ biến rõ cho bên mua bảo hiểm về Quy tắc bảo hiểm, các quyền, nghĩa vụ của người tham gia bảo hiểm; bên mua bảo hiểm đã làm đơn đề nghị cấp bảo hiểm, trong đơn thể hiện rõ nội dung về việc bên mua đã đọc, hiểu Quy tắc bảo hiểm; hai bên không ký kết hợp đồng bảo hiểm mà xác nhận chứng nhận bảo hiểm đã giao cho bên mua là văn bản có giá trị như hợp đồng bảo hiểm; sau khi tàu cá bị cháy, cơ quan có thẩm quyền đã kết luận tại thời điểm xảy ra sự cố, không có thuyền viên trực, quản lý tàu QNa – 94XYX - TS, thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm theo điểm i, Điều 15 Quy tắc bảo hiểm thân tàu cá tham gia Nghị định 67/2014/NĐ – CP về bồi thường bảo hiểm nên Tổng Công ty BV không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn



Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh Q chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng: “*Trước, trong và sau khi ký kết giao dịch bảo hiểm, Tổng Công ty Bảo hiểm BV đã vi phạm các điều kiện bắt buộc phải làm liên quan đến hình thức, nội dung hợp đồng bảo hiểm và trách nhiệm cung cấp thông tin về “điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm” cho bên mua bảo hiểm. Những vi phạm này dẫn đến hậu quả là phía bên mua bảo hiểm không nhận thức rõ, không có tài liệu lưu trữ để biết về các điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, trong đó có điều khoản quy định tại điểm i Điều 15 của Quy tắc bảo hiểm mà phía bị đơn viện dẫn để làm căn cứ không chấp nhận trách nhiệm bồi thường bảo hiểm. Theo đó, Hội đồng xét xử thấy hoàn toàn không có cơ sở để xác định chủ tàu cá đã biết hoặc bắt buộc chủ tàu cá phải biết các điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, nên việc “không có người trực trên tàu cá QNa – 94XYY – TS khi xảy ra chập điện cháy” là sai sót do vô ý của chủ tàu cá là ông S. Theo đó, căn cứ điểm a khoản 3 Điều 16 Luật Kinh doanh bảo hiểm (về các trường hợp không áp dụng điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm), Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thực hiện trách nhiệm bồi thường bảo hiểm toàn bộ đối với tài sản được bảo hiểm là thân tàu cá ...theo điểm c khoản 2 Điều 17, Điều 46 của Luật Kinh doanh bảo hiểm”.*<sup>3</sup>

Bị đơn kháng cáo và Tòa án cấp phúc thẩm xử y án sơ thẩm. Đối với trường hợp trên, có ba vấn đề cần bàn: một là, giấy chứng nhận bảo hiểm có phải là hợp đồng bảo hiểm hay không và quy tắc bảo hiểm có được xem là một phần của hợp đồng bảo hiểm hay không. Hai là bên mua bảo hiểm được tập huấn, được đọc Quy tắc bảo hiểm đó có được xem là chứng cứ chứng minh bên mua đã thỏa thuận, đồng ý các nội dung đã thể hiện trong hợp đồng bảo hiểm không? Ba là hình thức “*tập huấn*” mà bên bán tổ chức hướng dẫn cho ngư dân tham gia mua bảo hiểm có được xem là việc bên bán đã hướng dẫn rõ ràng, cụ thể các điều khoản trong hợp đồng cho bên mua không?

Giải quyết các vấn đề đặt ra ở trên, chúng tôi cho rằng, Điều 18 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định giấy chứng nhận bảo hiểm là bằng chứng giao kết hợp đồng bảo hiểm, không phải thay thế giá trị của hợp đồng bảo hiểm, bởi nội dung và hình thức của hai văn bản này khác nhau, những nội dung chứa đựng trong giấy chứng nhận bảo hiểm chỉ là những điều khoản chính, không thể hiện hết các thỏa thuận về quyền, nghĩa vụ của các bên và các điều khoản cần thiết để xử lý tranh chấp khi có sự kiện pháp lý xảy ra. Do vậy, giữa

<sup>3</sup> Bản án số 152/2019/DS – ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ; Bản án dân sự phúc thẩm số 17/2021/DSPT ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

các bên cần phải ký kết hợp đồng bảo hiểm theo hợp đồng mẫu do cơ quan có thẩm quyền quy định, trường hợp không ký kết hợp đồng bảo hiểm thì bên bán bảo hiểm phải được xem là bên có lỗi khi xác định hợp đồng bảo hiểm vô hiệu. Chỉ khi nào quy định pháp luật bắt buộc các bên phải giao kết hợp đồng bảo hiểm, người mua bảo hiểm hiểu rõ các nội dung trong hợp đồng bảo hiểm và lưu giữ 01 bản hợp đồng thì khi đó mới tháo gỡ được tất cả các vấn đề còn lại liên quan đến Quy tắc bảo hiểm mà chúng tôi đã đặt ra ở ví dụ trên.

***Thứ hai, vướng mắc phát sinh về việc xác định thời điểm, địa điểm, nguyên nhân xảy ra sự kiện bảo hiểm trong quá trình thực hiện hợp đồng.***

Theo quy định hiện hành thì các tàu cá đánh bắt xa bờ chỉ được xuất bến khi Đoàn biên phòng cho phép và toàn bộ quá trình xuất bến được theo dõi trong hồ sơ quản lý của đơn vị bộ đội biên phòng. Ngoài ra, Nghị định số 26/2019/NĐ – CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 quy định “*thuyền trưởng phải bảo đảm thiết bị giám sát hành trình tàu cá hoạt động liên tục 24 giờ/24 giờ từ khi tàu cá rời cảng đến khi cập cảng. Trường hợp thiết bị giám sát hành trình tàu cá bị hỏng, thuyền trưởng phải sử dụng các thiết bị thông tin liên lạc khác, báo cáo vị trí tàu cá về trung tâm giám sát tàu cá ở trung ương và 28 tỉnh, thành phố ven biển 06 giờ/lần và phải đưa tàu về cảng để sửa chữa trong 10 ngày kể từ khi thiết bị giám sát hành trình tàu cá bị hỏng*” – Điều 44 Nghị định số 26/2019/NĐ – CP. Theo điểm i khoản 1 Điều 60 Luật Thủy sản năm 2017 quy định: “*hành vi được coi là khai thác thủy sản bất hợp pháp bao gồm: không trang bị hoặc trang bị không đầy đủ hoặc không vận hành thiết bị thông tin liên lạc và thiết bị giám sát hành trình theo quy định*”. Quy tắc bảo hiểm quy định bên bán bảo hiểm sẽ không bồi thường trong trường hợp bên mua bảo hiểm vi phạm pháp luật về khai thác thủy sản. Tuy nhiên, chưa có quy định của pháp luật xử lý tình huống xảy ra sự cố hư hỏng thiết bị mà các bên không biết trước được. Dưới đây là một trường hợp cụ thể:

Tàu cá số hiệu QNa 90XXX – TS do ông B làm chủ sở hữu; ngày 12 tháng 3 năm 2021, bà L (*đại diện cho ông B*) ký hợp đồng bảo hiểm với Công ty Cổ phần M, thỏa thuận giá trị bảo hiểm thân tàu là 2.850.000.000 đồng, giá trị bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu là 100.000.000 đồng, hợp đồng có hiệu lực từ ngày 12 tháng 3 năm 2021 đến ngày 11 tháng 3 năm 2022. Sáng ngày 15 tháng 3 năm 2021, khi đang hoạt động trên vùng biển Việt Nam, tại vị trí tọa độ 16<sup>0</sup> – 00’ N 115<sup>0</sup> – 50’ E, tàu cá QNa 90XXX - TS bị va chạm với vật thể ngầm và chìm hẳn lúc 9h50 phút cùng ngày. Toàn bộ 47 thành viên trên tàu được tàu cá số hiệu QNa 90YYY – TS của ông L cứu lúc 15h30 cùng ngày. Sau khi sự

việc xảy ra, Tổng Công ty Cổ phần M từ chối bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm đã ký kết. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu Tổng Công ty Cổ phần M chi trả tiền bảo hiểm theo hợp đồng đã ký kết.

Phía bị đơn dựa trên kết quả giám định của cơ quan giám định cho rằng: “*không đủ bằng chứng để xác định chính xác nguyên nhân, ngày xảy ra tổn thất là ngày 15 tháng 03 năm 2021 và tọa độ xảy ra tai nạn chìm tàu cá QNa 90XXX – TS*” và *tàu cá QNa 90XXX - TS đã khai thác thủy sản bất hợp pháp, hoạt động kinh doanh trái phép nên tổn thất thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm*”, để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Theo thông tin cung cấp của Chi cục quản lý Thủy sản tỉnh Q thì đơn vị này giám sát được hành trình của tàu cá ông B từ khi xuất bến đến ngày 07 tháng 03 năm 2021, đơn vị này không rõ vì sao không nhận được tín hiệu từ tàu cá này vào những ngày sau đó. Theo hồ sơ quản lý tại bộ đội biên phòng và Trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải thì tàu cá này được phát hiện và cứu vớt thuyền viên tại vùng biển Hoàng Sa của Việt Nam hồi 16 giờ ngày 15 tháng 03 năm 2021, đến ngày 17 tháng 03 năm 2021 thì các thuyền viên trên tàu được đưa vào bờ. Chủ tàu cá và thuyền viên cho rằng thiết bị giám sát hành trình hoạt động bình thường và họ không biết thông tin giám sát bị gián đoạn. Hiện không trực vớt được tàu, không thu giữ được thiết bị giám sát hành trình.

Tòa án nhân dân huyện N không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng “*không đủ bằng chứng khoa học để xác định chính xác nguyên nhân, ngày xảy ra tổn thất là ngày 15 tháng 03 năm 2021*”<sup>4</sup>. Tại cấp phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Q đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì cho rằng: “*căn cứ vào lời khai của 47 thuyền viên đi trên tàu cá QNa 90XXX - TS, chủ tàu cá QNa 90YYY - TS và hồ sơ thu thập được từ Đoàn Biên phòng Cửa khẩu Cảng H, Chi cục Thủy sản tỉnh Q và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan để kết luận tàu cá QNa 90XXX - TS bị tai nạn, chìm vào ngày 15 tháng 3 năm 2021, là có cơ sở thực tiễn và đúng pháp luật... Kết quả theo dõi hành trình của tàu cá QNa 90XXX - TS của cơ quan có thẩm quyền, lời khai của chủ tàu cá này khi phát hiện, ứng cứu các ngư dân đi trên tàu cá QNa 90YYY - TS, thông tin xác nhận của Đoàn biên phòng Cửa khẩu Cảng H, Đài Thông tin Duyên Hải N, Trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải Khu vực Z thể hiện lúc 15 giờ 30 ngày 15 tháng 3 năm 2021, tàu cá Qna 90XXX bị chìm tại vị trí 16<sup>0</sup>00N, 116<sup>0</sup>19E, hoàn toàn không có chứng cứ, tài liệu nào*

---

<sup>4</sup> Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2021/DS - ST ngày 10 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành

*khác chứng minh tàu cá QNa 90XXX - TS khai thác hải sản, bị chìm tại địa điểm khác ngoài vùng biển thuộc chủ quyền của Việt Nam”<sup>5</sup>.*

***Thứ ba, vướng mắc phát sinh về việc xác định lỗi của chủ tàu khi xảy ra sự kiện pháp lý***

Việc vận hành tàu cá của ngư dân trên vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam, giáp với vùng biển quốc tế diễn biến rất phức tạp, với nhiều tình huống không lường trước được, có thể do ý thức chủ quan, cố ý của chủ tàu và cũng có thể do sự kiện khách quan như bão, gió lớn hoặc hư hỏng máy móc. Theo đó, khi sự kiện bảo hiểm xảy ra đồng thời phát sinh nhiều tình huống gây bất lợi cho ngư dân, nhiều trường hợp có thể xem xét theo hướng miễn trừ nghĩa vụ bồi thường cho bên bán bảo hiểm. *Dưới đây là các trường hợp cụ thể:*

Ông D khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Q buộc Công ty Bảo hiểm P bồi thường thiệt hại theo hợp đồng bảo hiểm do tàu cá chìm ở vùng biển Hoàng Sa của Việt Nam ngày 25 tháng 02 năm 2019. Công ty Bảo hiểm P không đồng ý bồi thường vì cho rằng ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm (8 giờ sáng ngày 25 tháng 02 năm 2019), cảnh sát biển của nước T gửi hình ảnh về cơ quan có thẩm quyền trong nước và đề nghị xử phạt hành vi của tàu cá ông D khai thác thủy sản trên vùng biển nước T, nên nơi xảy ra sự cố tàu chìm thuộc vùng biển nước T. Thiết bị giám sát hành trình báo rõ tọa độ và xác định trước khi xảy ra sự kiện bảo hiểm thì tàu cá của ông D đã vượt khỏi phạm vi vùng biển Hoàng Sa của Việt Nam, nhưng thời điểm ông D báo xảy ra tai nạn tàu chìm thì tọa độ của tàu cá thuộc vùng biển Hoàng Sa của Việt Nam. Tàu cứu nạn xác định thời điểm, địa điểm tiếp cận cứu người là thuộc vùng biển Việt Nam (*chứ không xác định được thời điểm, địa điểm tàu chìm*). Ông D và các thuyền viên trên tàu cho rằng đang khai thác thủy sản thì tàu hỏng máy và trôi tự do nên đã trôi qua vùng biển của nước T. Sau đó, do có gió lớn nên tàu trôi ngược lại vùng biển Việt Nam và chìm, được tàu cá của Việt Nam cứu vớt thuyền viên trên vùng biển Việt Nam. Vụ việc này không trực với được tàu cá, không có cơ sở xác định trước khi xảy ra sự kiện pháp lý thì tàu cá có bị hỏng máy như lời khai của chủ tàu và các thuyền viên hay không.

Trong vụ án này, Tòa án cấp hai cấp tỉnh Q đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, với nhận định: “...*chứng cứ về hình ảnh tàu cá của ông D xuất hiện trên vùng biển của nước T không phải là chứng cứ chứng minh nguyên nhân trực tiếp gây ra sự kiện*

<sup>5</sup> Bản án dân sự phúc thẩm số 70/2022/DS – PT ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam

*pháp lý chìm tàu và không phải là chứng cứ để chứng minh vị trí xảy ra sự cố tàu chìm thuộc vùng biển nước T, không thuộc trường hợp miễn trừ nghĩa vụ bồi thường cho bên bán bảo hiểm”.<sup>6</sup>*

Hoặc trường hợp phát sinh trong thực tiễn khác: ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Q buộc Công ty Bảo hiểm N bồi thường thiệt hại do tàu cá bị chìm trên vùng biển Đà Nẵng – Khánh Hòa, cách Hoàng Sa 10 hải lý về phía Đông Nam vào ngày 02 tháng 01 năm 2022, nguyên nhân chìm tàu là do lốc xoáy đột xuất (*tàu xuất bến 25 tháng 12 năm 2021*). Công ty Bảo hiểm N không đồng ý bồi thường do tại thời điểm tàu đang hoạt động và sự kiện bảo hiểm xảy ra thì người đảm nhiệm chức danh thuyền trưởng, máy trưởng không có văn bản hoặc chứng chỉ chuyên môn theo quy định của pháp luật. Trong vụ án này, Tòa án hai cấp tỉnh Q chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lập luận: “*Theo quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa (có hiệu lực 01/01/2015), Thông tư 28/TT – BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Điều 16, 17 Thông tư số 40/2019/BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải thì bằng thuyền trưởng, máy trưởng có thời hạn sử dụng 5 năm, quá thời hạn 12, 24 tháng (tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2019) thì phải thi để được cấp lại. Theo quy định, trước ngày 31 tháng 12 năm 2021, thuyền trưởng, máy trưởng phải thi lại để được cấp chứng chỉ, nhưng thời điểm này tàu đang hoạt động khai thác thủy sản trong chuyến đi 40 ngày nên thuyền trưởng, máy trưởng không có điều kiện để tham gia khóa học lại, thi lại để cấp bằng mới theo quy định. Mặt khác, không có cơ sở để cho rằng thuyền trưởng, máy trưởng có lỗi về kỹ thuật điều khiển tàu, điều hành máy dẫn đến tàu chìm”.<sup>7</sup>*

***Thứ tư, vướng mắc phát sinh về tính tiền lãi khi xét xử phúc thẩm:***

Trong các vụ án tranh chấp hợp đồng bảo hiểm tàu cá, nguyên đơn thường yêu cầu tính lãi trên số tiền cơ quan bảo hiểm chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Hiện nay, các Tòa án thực hiện Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 để quyết định các nội dung liên quan đến tiền lãi. Trong đó, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/HĐTP nêu rõ “*trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản*

<sup>6</sup> Bản án dân sự sơ thẩm số 107/2022/DS - ST ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ

<sup>7</sup> Bản án dân sự phúc thẩm số 46/2022/DS – PT ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam

án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự”.

Thực tiễn xét xử cho thấy giá trị tranh chấp hợp đồng bảo hiểm tài sản rất lớn, thời gian giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm có thể bị kéo dài do phải thu thập thêm nhiều chứng cứ liên quan đến giám định, quản lý hành chính, thậm chí có trường hợp bên bán bảo hiểm tìm cách kéo dài thời hạn tố tụng tại cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm nên có rất nhiều vụ án mất 6 tháng hoặc 01 năm mới xử phúc thẩm xong, có nhiều vụ án cấp giám đốc thẩm sửa bản án phúc thẩm và tính lại tiền lãi. Nhưng nếu tính tiền lãi chậm trả theo hướng dẫn của Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP thì cấp sơ thẩm chỉ tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm và thời gian xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm không được tính lãi, Hội đồng xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm không được phép sửa kết quả tính lãi của cấp sơ thẩm để tính lại đến ngày xét xử phúc thẩm, điều này gây thiệt hại cho đương sự và trên thực tế nhiều đương sự đã khiếu nại về vấn đề này. Vương mắc này cần sớm được hướng dẫn và tháo gỡ.

#### **4. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng bảo hiểm tài sản cá nhân tại Tòa án**

Về cơ sở chính trị, ngày 03 tháng 11 năm 2022, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 26 –NQ/TW về Phát triển **kinh tế** - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó, Nghị quyết xác định: “Phát triển kinh tế phải đi đôi với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội; chú trọng công tác giảm nghèo bền vững và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, bãi ngang, hải đảo. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố, nâng cao tiềm lực, bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội...”.<sup>8</sup> Theo Nghị quyết này, đường lối, mục tiêu, yêu cầu, định hướng phát triển kinh tế biển được Bộ Chính trị xác định rõ, dài hạn, khoa học và có nhiều quan điểm mới cần một kết quả xây dựng, hoàn thiện pháp luật cho phù hợp và đáp

<sup>8</sup> Nghị quyết số 26 –NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về “Phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, tr4

ứng yêu cầu đưa Nghị quyết vào cuộc sống. Về cơ sở pháp lý, ngày 01 tháng 01 năm 2023, Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 có hiệu lực thi hành với nhiều quy định mới được sửa đổi, bổ sung, đáp ứng được yêu cầu chung về xử lý các tranh chấp liên quan đến giao dịch bảo hiểm tài sản nói chung, bảo hiểm tàu cá nói riêng.

Tuy nhiên, để phát huy tốt chính sách của Đảng về khai thác thủy sản, phát triển kinh tế biển và để điều chỉnh tốt, hiệu quả mối quan hệ hợp đồng bảo hiểm tàu cá giữa các chủ thể liên quan thì cần phải có sự đồng bộ giữa Luật Kinh doanh bảo hiểm và các quy định pháp luật khác liên quan như Luật Thủy sản, Luật Giao thông đường thủy...và cần ban hành các Nghị định Thông tư hướng dẫn về Quy tắc bảo hiểm, về cấp bằng, chứng chỉ liên quan đến đường thủy nội địa, khai thác thủy sản.... Vì lẽ đó, trong phạm vi bài viết này, qua các vướng mắc đã nêu, chúng tôi mạnh dạn kiến nghị, đề xuất các nội dung sau:

#### ***4.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng bảo hiểm tàu cá tại Tòa án***

Các giao dịch bảo hiểm tài sản nói chung, bảo hiểm tàu cá nói riêng đang phát triển đa dạng, phát sinh nhiều điểm mới cần được pháp luật điều chỉnh. Mặt khác, chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định 67/2014/NĐ – CP thời gian qua đã tác động lớn đến kinh tế, xã hội các địa phương vùng biển, hỗ trợ tích cực, tạo động lực cho ngư dân bám biển, vươn khơi, vừa phát triển kinh tế, vừa tham gia bảo vệ chủ quyền biển đảo của quốc gia. Tuy nhiên, quá trình thực hiện chính sách này đang phát sinh nhiều bất cập, vướng mắc, trong đó có nhiều vụ việc tranh chấp được Tòa án giải quyết, và điều này đang gây trở ngại cho tích ưu việt của chính sách, ảnh hưởng đến quyền lợi, lòng tin của người dân, doanh nghiệp. Theo đó, Chính phủ và liên ngành tổ tụng cấp Trung ương cần tổ chức tổng kết, đánh giá quá trình xây dựng pháp luật về giải quyết các vụ án tranh chấp liên quan đến hợp đồng bảo hiểm tàu cá theo Nghị định 67/2014/NĐ – CP, xác định các tồn tại, vướng mắc liên quan, để có kế hoạch, việc làm chi tiết về sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật về thủy sản, giao thông đường thủy nội địa, sớm ban hành văn bản hướng dẫn Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022, tạo hành lang pháp lý đủ đúng, đủ mạnh, đủ hiện đại, tạo động lực cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm tài sản và hoạt động kinh tế biển phát triển, hội nhập, bảo vệ được quyền lợi chính đáng của người dân, đảm bảo trật tự quản lý khai thác thủy sản, góp phần bảo đảm chủ quyền, an ninh biển đảo. Trong đó, đề nghị quan tâm các vấn đề sau:

**Một là**, cần sửa đổi, bổ sung quy định tại các điều 17, 18 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 về hình thức và nội dung của hợp đồng bảo hiểm. Trong đó, bổ sung điều khoản về loại trừ bảo hiểm là nội dung chủ yếu của hợp đồng bảo hiểm được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 17 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2022. Điều chỉnh nội dung tại Điều 18 Luật Kinh doanh bảo hiểm theo hướng: *“Điều 18. Hình thức, bằng chứng giao kết hợp đồng bảo hiểm: 1. Hợp đồng bảo hiểm phải được lập thành văn bản, do các bên tham gia ký kết và phải thể hiện đủ các nội dung chủ yếu được quy định tại Điều 17 của Luật này; 2. Bằng chứng giao kết hợp đồng bảo hiểm là hợp đồng, giấy chứng nhận bảo hiểm, đơn bảo hiểm hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật”*.

**Hai là**, các Bộ, ngành liên quan như: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải... cần rà soát, kiểm tra, xác định các quy định pháp luật không phù hợp, sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến trình tự, thủ tục, điều kiện, hình thức, nội dung giao kết hợp đồng bảo hiểm trong kinh doanh bảo hiểm nói chung, bảo hiểm tàu cá nói riêng theo hướng đảm bảo tính thị trường và tính khách quan của giao dịch này, rút ngắn thủ tục, gọn và rõ về các điều kiện liên quan. Đảm bảo khi ngư dân ký kết giao dịch bảo hiểm thì họ biết được, lưu trữ được các điều khoản liên quan đến miễn trừ bảo hiểm.

**Ba là**, bên cạnh việc đầu tư máy móc, thiết bị tiên tiến cho đơn vị chuyên môn để theo dõi, giám sát hành trình của tàu cá đánh bắt xa bờ thì Chính phủ cần bổ sung các quy định của văn bản dưới luật để điều chỉnh các vấn đề phát sinh trên thực tiễn quản lý tàu cá đánh bắt xa bờ hiện nay. Trong đó, cần sửa đổi các quy định mang tính hành chính, thủ tục gây khó khăn, trở ngại cho người dân như thủ tục đề nghị cấp bằng thuyền trưởng, bằng máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn... Hướng tới việc quy định cấp bằng, chứng chỉ cho ngư dân lâu dài (hoặc chứng chỉ có hiệu lực đến hết độ tuổi lao động, độ tuổi mà khoa học cho phép để thực hiện tốt công tác chuyên môn liên quan đến máy móc, thiết bị tàu cá) để ngư dân yên tâm lao động; đảm bảo các điều kiện khoa học kỹ thuật hiện đại để giao trách nhiệm quản lý, định vị hoạt động tàu cá trên vùng biển Việt Nam cho các cơ quan, đơn vị nhà nước chuyên môn, chỉ quy kết trách nhiệm của chủ tàu cá khi chứng minh được họ cố ý thực hiện hành vi vi phạm pháp luật; xét soát việc ban hành Quy tắc bảo hiểm theo hướng chỉ xác định hành vi vi phạm pháp Luật Thủy sản của chủ tàu cá (khai thác ở ngư trường không hợp pháp, không báo tin hiệu hành trình, không lắp đặt thiết bị hành trình...)



là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến sự kiện bảo hiểm xảy ra thì thuộc trường hợp miễn trừ bảo hiểm, các trường hợp khác thì bên bán bảo hiểm phải bồi thường.

#### ***4.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng bảo hiểm tài sản tại Tòa án***

***Thứ nhất***, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cần sớm hướng dẫn giải quyết vướng mắc phát sinh về thẩm quyền giải quyết vụ án trong trường hợp Chi nhánh ký kết hợp đồng bảo hiểm không còn hoạt động tại thời điểm tranh chấp và việc tính lãi chậm trả sau thời điểm xét xử sơ thẩm đến ngày xét xử phúc thẩm.

Về quan điểm đề xuất, chúng tôi cho rằng mục đích của thỏa thuận chọn Tòa án có thẩm quyền giải quyết là để tạo thuận lợi cho các bên liên quan. Quá trình giải quyết các vụ án trên thực tế cho thấy thời gian, kế hoạch làm việc của ngư dân không ổn định, hoàn cảnh, điều kiện đi lại của ngư dân rất khó khăn. Mặt khác, việc tham gia tố tụng của doanh nghiệp bảo hiểm ở bất cứ địa phương nào đều thuận lợi hơn so với ngư dân mua bảo hiểm. Do vậy, chúng tôi đề nghị hướng dẫn thẩm quyền giải quyết vụ án theo đúng nội dung trong hợp đồng mà các bên thỏa thuận hoặc nguyên đơn có quyền khởi kiện tại Tòa án nơi có trụ sở của Chi nhánh theo địa chỉ ghi rõ trong hợp đồng.

Đối với việc tính tiền lãi sau thời gian ban hành bản án sơ thẩm đến thời điểm thi hành án, vấn đề này có liên quan chung đến cách tính tiền lãi của các giao dịch vay mà hai bên không thỏa thuận tiền lãi. Do vậy, đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019, theo hướng bổ sung nội dung: “*đối với thời gian chậm trả trong quá trình thụ lý, xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm, Tòa án có thẩm quyền không sửa bản án sơ thẩm mà điều chỉnh số tiền lãi phát sinh trên số tiền chậm trả mà Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định đúng pháp luật tương ứng với thời gian chậm trả trong giai đoạn thụ lý, xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm, trừ trường hợp các bên thỏa thuận khác*” để đảm bảo quyền lợi của công dân.

***Thứ hai***, Tòa án nhân dân tối cao cần xem xét, ban hành các án lệ liên quan đến giải quyết tranh chấp hợp đồng bảo hiểm tài sản để giải quyết các vấn đề hiện nay pháp luật chưa điều chỉnh hoặc còn vướng mắc mà tác giả đã đề cập ở các vụ án trong bài viết này. Về lâu dài, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cần hướng dẫn đường lối xét xử để giải quyết các vướng mắc về chứng cứ, căn cứ, kết luận về thời điểm, địa điểm, nguyên nhân, hậu quả sau khi sự kiện bảo hiểm đã xảy ra. Chúng tôi kiến nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn đường lối giải quyết vướng mắc trên tinh thần

bảo vệ quyền lợi hợp pháp của ngư dân, trong đó đảm bảo nguyên tắc giải thích nội dung hợp đồng theo hướng có lợi cho người mua bảo hiểm và nghĩa vụ chứng minh trường hợp miễn trừ bảo hiểm thuộc bên bán bảo hiểm.

*Thứ ba*, Tòa án nhân dân tối cao cần tổng kết việc thi hành các quy định của pháp luật về trục lợi bảo hiểm để hướng dẫn cụ thể, rõ ràng về các yếu tố cấu thành Tội Trục lợi trong kinh doanh bảo hiểm theo Điều 213 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Trong đó cần quan tâm hướng dẫn chi tiết các hành vi cụ thể phát sinh từ việc ngư dân vận hành tàu cá, khai thác thủy sản, quản lý thiết bị, khai báo thông tin về hành trình hoạt động tàu cá để tạo hành lang pháp lý minh bạch, giúp cơ quan tiến hành tố tụng *xác định rõ việc gì thuộc hình sự, việc gì thuộc dân sự*, tránh xảy ra tình trạng hình sự hóa các vụ việc dân sự hoặc ngược lại, làm kéo dài thời gian giải quyết vụ việc, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của các chủ thể liên quan.

## 5. Kết luận

Hoạt động của tàu cá mà các ngư dân là chủ sở hữu gắn với các rủi ro khi đánh bắt xa bờ, nên sau khi có tranh chấp xảy ra, các bên đều lựa chọn việc yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết để bảo vệ quyền lợi hợp pháp. Mặc dù đã có hành lang pháp lý như Luật Kinh doanh bảo hiểm, Nghị định 67/2014/NĐ – CP điều chỉnh nhưng thực tế các tranh chấp xảy ra rất đa dạng và phát sinh nhiều vấn đề vướng mắc, tác động trực tiếp đến tiến độ giải quyết tranh chấp và chất lượng xét xử của Tòa án. Điều này không những ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên tham gia bảo hiểm tàu cá mà còn tác động tiêu cực đến nhận thức, tâm lý của ngư dân, không phát huy tốt được đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong phát triển kinh tế biển, bảo vệ chủ quyền biển đảo quốc gia. Từ việc nghiên cứu thực tiễn, các giải pháp hoàn thiện pháp luật áp dụng để giải quyết và pháp luật tố tụng đã được đưa ra để điều chỉnh các quy định hiện hành. Đối với Tòa án – cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp thì những giải pháp cho hệ thống Tòa án để hướng dẫn, áp dụng có hiệu quả pháp luật để bảo vệ kịp thời quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong xã hội.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị quyết số 26 –NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về “Phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”;

2. Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.
3. Bản án số 152/2019/DS – ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam về tranh chấp hợp đồng bảo hiểm. Nguồn: Tập bản lưu bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam năm 2019;
4. Bản án dân sự sơ thẩm số 107/2022/DS - ST ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam về tranh chấp hợp đồng bảo hiểm. Nguồn: Tập bản lưu bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam năm 2022;
5. Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS - ST ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam về tranh chấp hợp đồng bảo hiểm. Nguồn: Tập bản lưu bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam năm 2021.
6. Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2021/DS - ST ngày 10 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam về tranh chấp hợp đồng bảo hiểm. Nguồn: Tập bản lưu bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam năm 2021.
7. Bản án dân sự phúc thẩm số 70/2022/DS – PT ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam về tranh chấp hợp đồng bảo hiểm. Nguồn: Tập bản lưu bản án dân sự phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam 2022.
8. Bản án dân sự phúc thẩm số 12/2021/DS – PT ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam về tranh chấp hợp đồng bảo hiểm. Nguồn: Tập bản lưu bản án dân sự phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam 2021.
9. Bản án dân sự phúc thẩm số 46/2022/DS – PT ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam về tranh chấp hợp đồng bảo hiểm. Nguồn: Tập bản lưu bản án dân sự phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam 2022.
10. Bản án dân sự phúc thẩm số 38/2019/DSPT ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam về tranh chấp hợp đồng bảo hiểm. Nguồn: Tập lưu bản án dân sự phúc thẩm năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.
11. Bản án dân sự phúc thẩm số 17/2021/DSPT ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam về tranh chấp hợp đồng bảo hiểm. Nguồn: Tập lưu bản án dân sự phúc thẩm năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

12. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. *Báo cáo chất lượng xét xử năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam*. Nguồn: Tập tài liệu phục vụ Hội nghị tổng kết công tác năm 2021, triển khai công tác Tòa án năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

13. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. *Báo cáo chất lượng xét xử năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam*. Nguồn: Tập tài liệu phục vụ Hội nghị tổng kết công tác năm 2018, triển khai công tác Tòa án năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

14. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. *Báo cáo chất lượng xét xử năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam*. Nguồn: Tập tài liệu phục vụ Hội nghị tổng kết công tác năm 2022, triển khai công tác Tòa án năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

15. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. *Báo cáo chất lượng xét xử năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam*. Nguồn: Tập tài liệu phục vụ Hội nghị tổng kết công tác năm 2018, triển khai công tác Tòa án năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.